

Di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số ở vùng Tây Bắc

Vũ Trường Giang¹

¹ Học viện Chính trị khu vực I.
Email: giangnhanhoc@yahoo.com.vn

Nhận ngày 10 tháng 2 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 8 tháng 3 năm 2017.

Tóm tắt: Di cư xuyên biên giới và quản lý di cư đối với các tộc người thiểu số vùng Tây Bắc không chỉ đơn thuần là vấn đề đi lại, cư trú và tiến hành các hoạt động sinh kế, hôn nhân, mà còn là vấn đề kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường, chính trị, quốc phòng, an ninh... ở vùng biên giới quốc gia. Có 4 dạng thức di cư là: xuất cảnh lao động, xuất cảnh du học, xuất cảnh hợp thức hóa hôn nhân - gia đình và buôn bán người qua biên giới. Nguyên nhân khiến các tộc người thiểu số di cư, bao gồm các nguyên nhân về kinh tế - xã hội, văn hóa tộc người, hoạt động của các tôn giáo. Tham gia quản lý di cư có các thiết chế “quan phương” và “phi quan phương”. Hoạt động của các thiết chế này bước đầu đạt được hiệu quả.

Từ khóa: Tây Bắc, di cư, biên giới, tộc người thiểu số.

Abstract: Cross-border migration and migration management in relation to the ethnic minority groups in the Northwestern region of Vietnam are not merely issues of travel, residence, livelihoods and marriages, but also economic, cultural, environmental, political issues and those of security and defense... at the national border. There are 4 types of migration, including those of guest workers, overseas students, marriages and family reunions, and victims of cross-border trafficking. Migration of the ethnic minority people results from socio-economic reasons and those of ethnic cultures and activities of religions. As for the two migration management institutions, one is in the administrative apparatus, and the other is not. Both the two institutions have gained initial results.

Keywords: the Northwestern region, migration, border, ethnic minority groups.

1. Đặt vấn đề

Tây Bắc Việt Nam là vùng đa dạng về dân cư và lịch sử cư trú của các tộc người thiểu số thuộc nhiều nhóm ngôn ngữ khác nhau (Thái-Kadai, Môn-Dao, Tạng-Miến và

Môn-Khmer). Tây Bắc cũng là vùng lãnh thổ có đường biên giới với Trung Quốc và Lào. Một số tộc người Tây Bắc có quan hệ nguồn cội với một số tộc người ở bên kia biên giới Việt - Trung cũng như Việt - Lào. Có thể kể đến các tộc người có mặt cả ở

Việt Nam, Trung Quốc và Lào như Thái, Mông, Dao, Tày, Khơ Mú, La Hủ, Hà Nhì, Phù Lá, Giáy, Cống và Si La... Quan hệ giữa những người đồng tộc ở hai bên biên giới vẫn được duy trì, việc di cư vẫn là hiện tượng khá phổ biến, đã và đang có những tác động khác nhau đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa và an ninh quốc phòng... Bài viết trình bày các dạng thức di cư, phân tích nguyên nhân di cư, đánh giá về quản lý di cư của thiết chế “quan phương” và “phi quan phương” đối với các tộc người thiểu số vùng Tây Bắc.

2. Các hình thức di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số

Theo Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao, ở Việt Nam hiện nay có 4 hình thức di cư chính: xuất cảnh lao động; xuất cảnh du học; xuất cảnh để hợp thức hóa hôn nhân - gia đình (bao gồm cả việc cho/nhận con nuôi) và buôn bán người qua biên giới [3, tr.17]. Tại vùng Tây Bắc, số liệu xuất cảnh/di cư du học và hợp thức hóa hôn nhân - gia đình hiện không được cập nhật thường xuyên, khó nắm bắt. Bài viết này phân tích ba hình thức di cư, gồm di cư do đi lao động, di cư do buôn bán người và di cư do hôn nhân. Đây cũng là những hình thức di cư đặt ra nhiều vấn đề cho các nhà quản lý xã hội hiện nay.

Thứ nhất, di cư do lao động. Việc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế và ổn định đời sống của người dân. Tuy nhiên, lực lượng lao động của các tỉnh Tây Bắc được đưa ra nước ngoài làm việc theo con đường chính ngạch thường chiếm tỷ lệ thấp. Từ năm 2009 đến năm 2014, toàn vùng mới

xuất khẩu được trên 9.000 lao động, đạt khoảng 10% so với chỉ tiêu đặt ra [23]. Trong khi đó, thị trường xuất khẩu lao động “chui” ở Tây Bắc diễn ra khá nhộn nhịp. Theo số liệu của Cục Quản lý Lao động ngoài nước (Bộ Lao động - Thương binh và xã hội) “Từ năm 2011 đến năm 2014, có hơn 20 vạn lao động đã và đang lao động trái phép tại Trung Quốc. Trong đó, 55% lao động có trình độ tiểu học; 20% không biết chữ; 55% làm ruộng; 30% không nghề; 30% đi lao động thông qua biên giới, thời gian lao động dưới 6 tháng chiếm 60%; 65% đi qua đường tiểu ngạch, đường mòn; hơn 45% là các tộc người thiểu số, chủ yếu ở độ tuổi lao động” [24]. Báo cáo của Ban Chỉ đạo Tây Bắc cho biết: “Tình trạng di cư tự do của đồng bào dân tộc thiểu số diễn biến phức tạp; trong năm 2014 đã phát hiện 1.073 hộ với 5.563 nhân khẩu di cư tự do, trong đó di cư trong nước 761 hộ/4.047 khẩu, di cư đi nước ngoài 312/1.726 khẩu” [25] (Bảng 1).

Ở khu vực biên giới Việt - Lào, tình hình di cư xuyên biên giới cũng đặt ra nhiều vấn đề, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu nghiêm túc và những giải pháp hữu hiệu nhằm hạn chế những tác động tiêu cực. Có nghiên cứu chỉ ra rằng: “Nhất là ở các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Nghệ An, di cư tự do gắn liền với truyền đạo trái phép, mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy. Bộ đội biên phòng các tỉnh phát hiện 126 hộ/641 khẩu (tăng 65 hộ/318 khẩu so với năm 2014); trong đó, di cư sang Lào 71 hộ/351 khẩu, vào khu vực biên giới 9 hộ/128 khẩu, di cư đi nơi khác 46 hộ/162 khẩu; kết hôn không giá thú 14 người. Hiện nay, ở khu vực biên giới phía Lào có khoảng 49.000 người Việt lao động tự do, gây nên một số tình hình phức tạp, phía Lào không quản lý được số đối tượng trên” [26].

Bảng 1: Số lượng công dân Việt Nam xuất cảnh trái phép
từ năm 2010 đến tháng 6/2016 tại một số tỉnh [18], [20], [21]

Năm	Điện Biên		Lai Châu		Lào Cai		Hà Giang		Cao Bằng	
	Dân khu vực biên giới	Dân nội địa và các tỉnh khác	Dân khu vực biên giới	Dân nội địa và các tỉnh khác	Dân khu vực biên giới	Dân nội địa và các tỉnh khác	Dân khu vực biên giới	Dân nội địa và các tỉnh khác	Dân khu vực biên giới	Dân nội địa và các tỉnh khác
2010	58	8	03	0	100	28	1.370	366	815	111
2011	112	70	122	06	241	100	1.218	634	1.539	290
2012	60	20	89	0	113	22	2.431	956	1.215	204
2013	55	18	53	0	375	64	2.303	944	1.373	308
2014	79	31	119	0	2.113	400	2.188	872	7.125	892
2015	75	26	79	55	4.180	208	4.145	1.230	10.916	850
1-6/2016	62	11	115	6	4.258	300	2.685	1.763	5.120	579

Thứ hai, di cư do buôn bán người. Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia mà các loại hình tội phạm liên quan đến buôn bán người (đặc biệt là phụ nữ và trẻ em) phát triển tương đối phức tạp cả trong nội địa và xuyên biên giới, nhất là trong bối cảnh mở cửa và hội nhập. Trong những năm qua, trên địa bàn toàn quốc, tình hình buôn bán người (đặc biệt là phụ nữ và trẻ em) ra nước ngoài diễn ra phức tạp, đa dạng.

Tại các tỉnh Tây Bắc, tình hình tội phạm buôn người diễn ra khá phức tạp. Khu vực biên giới của tỉnh Lào Cai gồm 26 xã, phường với 383 thôn, bản và tổ dân phố với 17 tộc người. Đây cũng là tỉnh có nhiều cửa khẩu, nhiều đường tiểu ngạch sang Trung Quốc... Chính vì vậy, Lào Cai trở thành địa bàn gây án và trung chuyển nạn nhân mua bán người. Mặc dù các cơ quan chức năng ở địa phương đã đấu tranh quyết liệt, số vụ điều tra, khám phá án ngày càng cao song tình trạng mua bán phụ nữ vẫn diễn ra nhức nhối. Để tránh sự phát hiện, truy bắt của cơ

quan công an, bộ đội biên phòng, bọn tội phạm sử dụng nhiều thủ đoạn như môi giới qua nhiều khâu trung gian khác nhau, hoặc sử dụng giấy thông hành qua cửa khẩu... Ngoài ra, chúng còn câu kết chặt chẽ với người mua, người bán và người môi giới dẫn dắt, chủ động làm quen, tìm cách dụ dỗ, lừa gạt, hẹn giúp đỡ đưa đi tìm việc làm có thu nhập cao hoặc lợi dụng phong tục tập quán của người dân tộc thiểu số như: tục kéo vợ của người Mông, ở rể của người Dao... hứa hẹn kết hôn, dụ dỗ nạn nhân lừa bán sang biên giới.

Các đối tượng thường tìm số phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, quá lứa lỡ thì hoặc những người nhẹ dạ, cả tin, hám lợi rồi tiếp cận tán tỉnh, yêu đương để dụ dỗ sang biên giới. Thậm chí chúng vờ đến nhà thăm để bắt cóc trẻ em rồi ép mẹ của chúng sang Trung Quốc bán vào các động mại dâm hay bán cho những người đàn ông muộn vợ. Theo tài liệu của Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Lai Châu, một thủ đoạn nữa

cũng được bọn tội phạm sử dụng, đó là đột nhập nhà dân để bắt cóc trẻ em vào ban đêm. Hiện tượng này được ghi nhận ở một số xã thuộc các huyện Phong Thổ và Sìn Hồ. Thậm chí, cá biệt có những trường hợp kẻ bắt cóc lại chính là người ruột thịt của nạn nhân [27].

Thứ ba, di cư do hôn nhân. Khu vực Tây Bắc hiện nay có nhiều trường hợp người nước ngoài kết hôn với người Việt Nam, nhưng không có đủ giấy tờ tùy thân, không làm được đăng ký kết hôn. Theo Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên: tình trạng kết hôn không giá thú của người dân trong khu vực biên giới giữa hai nước Việt - Lào trên đã có từ nhiều năm. Trên địa bàn tỉnh hiện có 147 người quốc tịch Lào (gồm các dân tộc Mông, Lào, Khơ Mú, Cống) sang Việt Nam (các xã giáp biên giới thuộc các huyện Điện Biên, Mường Chà, Nậm Pồ, Mường Nhé, Mường Ảng và thành phố Điện Biên) để lấy vợ (13 trường hợp), theo chồng (124 trường hợp). Tổng số người dân của tỉnh Điện Biên kết hôn không giá thú với công dân Lào (hiện đang cư trú trên lãnh thổ Lào) là 278 người (gồm các dân tộc Thái, Mông, Hà Nhì, Khơ Mú, Lào; nam 96 người, nữ 182 người) [20].

3. Nguyên nhân di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số

3.1. Nguyên nhân kinh tế - xã hội

Với 350 phiếu khảo sát ý kiến người dân các tộc người thiểu số miền núi phía Bắc và ý kiến cán bộ địa phương về những nguyên nhân kinh tế - xã hội khiến họ di cư xuyên biên giới, kết quả thu được có nhiều sự tương đồng về ý kiến.

Theo ý kiến người dân, lý do người dân các tộc người thiểu số di cư xuyên biên giới chiếm tỷ lệ cao nhất là thiếu việc làm (chiếm 93,3%). Nguyên nhân chiếm tỷ lệ cao thứ hai là thiếu đất sản xuất và mong muốn có thu nhập cao hơn (đều chiếm 33,3%).

Ý kiến các cán bộ địa phương cũng có sự tương đồng với ý kiến của người dân. Tuy nhiên, theo các cán bộ, nguyên nhân người dân di cư xuyên biên giới chiếm tỷ lệ cao nhất là mong muốn có thu nhập cao hơn (chiếm 72,57%). Tiếp theo là nguyên nhân thiếu việc làm (chiếm 70,29%) và nguyên nhân xếp vị trí thứ ba là “thiếu đất sản xuất” (chiếm 46,86%).

3.2. Nguyên nhân văn hóa tộc người

Nhiều nghiên cứu của các nhà dân tộc học cho thấy, các tộc người thiểu số vùng Tây Bắc (như Thái, Nùng, Mông, Dao, Hà Nhì...) đều là những tộc người di cư (từ các quốc gia như Trung Quốc, Lào) sang miền núi Tây Bắc Việt Nam từ nhiều thế kỷ trước [22]. Qua quá trình sinh sống lâu đời, các tộc người thiểu số này đều trở thành công dân của Việt Nam. Tuy nhiên, mối quan hệ tộc người xuyên biên giới và những nét bản sắc văn hóa tộc người vẫn được duy trì.

Theo Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, các tộc người thiểu số sinh sống ở biên giới hầu hết đều có quan hệ dân tộc, thân tộc với người đồng tộc phía bên kia biên giới. Năm 2013, ở tuyến biên giới Việt - Lào, 86 bản có quan hệ thân tộc với các bản bên kia biên giới với số dân là 692 hộ/3.460 khẩu (trong đó, người Mông có 86 bản/6.573 hộ/32.865 khẩu; người Thái có 18 bản/1.745 hộ/ 8.725 khẩu); tuyến biên giới Việt - Trung có 4 bản/315 hộ/1.575

người Hà Nhì có quan hệ thân tộc với các bản bên kia biên giới [7, tr.42].

Số liệu khảo sát thu được thông tin từ những gia đình có người thân di cư sang nước ngoài cho thấy: lý do người dân các tộc người thiểu số di cư xuyên biên giới nhìn từ góc độ văn hóa tộc người chiếm tỷ lệ cao nhất là lý do “được ở gần người cùng dân tộc” (chiếm 13,3%). Bên cạnh đó, lý do người dân di cư xuyên biên giới là do có người rủ đi cùng (6,7%) và lấy vợ/chồng (6,7%).

3.3. Nguyên nhân từ chính sách và cơ chế quản lý của Nhà nước

Khảo sát thực tế cho thấy, các chính sách đã được triển khai chiếm được nhiều sự lựa chọn của người dân là chính sách hỗ trợ giáo dục (84,9%); chính sách xây dựng điện, đường, trường trạm (85,5%); chính sách cho vay ưu đãi (85,4%). Tuy nhiên, những người được hưởng lợi từ các chính sách này chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ (với các thống kê tương ứng là 5,5%; 6,9%; 6,3%).

Bên cạnh đó, nhiều ý kiến cho rằng, một số chính sách hỗ trợ còn chưa được triển khai ở địa phương của họ, như: chính sách tạo việc làm cho người nghèo (65,1%); chính sách cấp đất và nhà ở cho hộ nghèo (58,9%); chính sách khám chữa bệnh miễn phí (57,5%). Đặc biệt, khi đánh giá về chính sách giao rừng cho các hộ gia đình, 91,8% ý kiến đánh giá chính sách này phù hợp. Tuy nhiên, 57,5% ý kiến cho rằng chính sách này vẫn chưa được triển khai ở địa phương họ và con số những người được hưởng lợi từ chính sách này chỉ chiếm 2,7%.

Như vậy, qua khảo sát ý kiến của người dân cho thấy, việc triển khai và thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển vùng các tộc người thiểu số vẫn còn nhiều hạn chế và

bất cập. Người dân chưa thực sự được hưởng lợi từ các chính sách này, đời sống vật chất và tinh thần còn nhiều khó khăn. Đây là một trong những nguyên nhân khiến người dân di cư đến các vùng đất mới để giải quyết các khó khăn về kinh tế - xã hội, trong đó di cư xuyên biên giới đã và đang trở thành lựa chọn của người dân.

3.4. Nguyên nhân từ hoạt động của các tôn giáo

Ở vùng Tây Bắc nói riêng và các tỉnh biên giới phía Bắc nói chung, trên cơ sở các mối liên kết tôn giáo - tộc người, các cá nhân cũng như các tổ chức tôn giáo còn có quan hệ mở rộng giao lưu, quan hệ xuyên biên giới với những cá nhân, tổ chức đồng tộc người hoặc khác tộc nhưng đồng tôn giáo. Thực tế này đang diễn ra một cách nhanh chóng đối với bộ phận các tộc người thiểu số, đặc biệt là đối với người Mông theo đạo Tin Lành. Khảo sát, phỏng vấn các cán bộ địa phương ở một số tỉnh miền núi phía Bắc (Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng) cho thấy, có 38,57% ý kiến cho rằng nguyên nhân khiến đồng bào dân tộc thiểu số di cư xuyên biên giới là đi theo các tổ chức tôn giáo.

4. Thực trạng quản lý di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số

4.1. Vai trò của thiết chế “quan phương” trong quản lý di cư xuyên biên giới

Để có thông tin khách quan từ cơ sở, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn 350 cán bộ trong hệ thống chính trị, từ cấp tỉnh đến cấp huyện thuộc các tỉnh Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng... Theo số liệu về việc cán

bộ lãnh đạo cấp tỉnh, huyện tự đánh giá về quản lý di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số, 6,3% cho rằng sự quản lý di cư là rất tốt; con số tương ứng ở mức độ tốt là 20,8%, ở mức độ khá tốt là 48,3%, ở mức độ bình thường là 14,9%, ở mức độ chưa tốt là 9,7% (Bảng 2).

Bảng 2: Tự đánh giá của cán bộ lãnh đạo về mức độ quản lý di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số [4]

Mức độ	Số lượng người đồng ý	Tỷ lệ (%)
Rất tốt	22	6,3
Tốt	72	20,8
Khá tốt	169	48,3
Bình thường	52	14,9
Chưa tốt	34	9,7

Theo ý kiến của những người được phỏng vấn, các tổ chức cùng có vai trò trong quản lý di cư xuyên biên giới (Bảng 3).

4.2. Vai trò của thiết chế phi quan phương trong quản lý di cư xuyên biên giới

Thiết chế “phi quan phương” là cơ cấu không nằm trong hệ thống chính thức do Nhà nước lập ra. Đây là hệ thống tự trị làng xã [9, tr.73-78]. Ở các địa phương vùng Tây Bắc, thiết chế “phi quan phương” bao gồm: già làng, trưởng họ, thầy cúng, thầy mo, thầy tào và các hệ thống truyền thống khác

như hương ước, quy ước, luật tục, tập quán, tùy thuộc theo từng địa phương.

Bảng 3: Đánh giá về những tổ chức tham gia quản lý hoạt động di cư xuyên biên giới theo ý kiến cán bộ [4]

Các tổ chức có vai trò trong quản lý di cư	Số lượng người đồng ý	Tỷ lệ (%)
Tổ chức đảng	303	86,57
Chính quyền	342	97,71
Hội phụ nữ	275	78,57
Hội nông dân	247	70,57
Hội cựu chiến binh	175	50,00
Đoàn thanh niên	239	68,29
Hội người cao tuổi	186	53,14
Mặt trận	274	78,29
Khác	16	4,57

Già làng là người tuy không giữ vai trò quyết định về kinh tế, nhưng có ảnh hưởng rất lớn về mặt tinh thần đối với người dân trong thôn, bản. Trong tổng số 350 cán bộ được hỏi ở các địa phương thuộc các tỉnh Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai và Lai Châu, có 240 cán bộ đánh giá cao (ở mức độ rất quan trọng) vai trò của trưởng thôn, trưởng bản trong việc kiểm soát việc di cư xuyên biên giới tại địa phương (Bảng 4).

Bảng 4: Đánh giá của cán bộ về vai trò của trưởng bản trong quản lý di cư xuyên biên giới [4]

Vai trò của trưởng bản trong quản lý di cư	Tổng số người được hỏi	Số lượng người đồng ý	Tỷ lệ (%)
Rất quan trọng	350	240	66,0
Quan trọng	350	109	31,2
Không có ý kiến	350	1	0,28

Già làng, trưởng bản, người có uy tín... là những người được đồng bào trong làng, bản tin tưởng, tín nhiệm một cách tự nguyện hoặc bằng sự ràng buộc của phong tục tập quán, do có địa vị hoặc có trình độ nhận thức, có điều kiện kinh tế, có cách giải quyết hài hòa các mối quan hệ trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Già làng, người có uy tín được đồng bào đến bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, tranh thủ ý kiến để giải quyết các vấn đề liên quan. Trong số 350 cán bộ các địa phương được phỏng vấn, có 286 người (chiếm 81,71%) đánh giá vai trò của người có uy tín trong việc quản lý di cư xuyên biên giới ở vị trí thứ tư; 256 người (chiếm 73,14%) đánh giá vai trò của già làng ở vị trí thứ ba (sau vai trò của trưởng bản, già làng), (Bảng 5).

Bảng 5: Đánh giá của cán bộ về vai trò của thiết chế phi quan phương trong quản lý di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số [4]

Thiết chế phi quan phương có vai trò trong quản lý di cư	Số lượng người đồng ý	Tỷ lệ (%)
Trưởng bản	314	89,71
Thầy cúng, thầy mo	38	10,86
Già làng	256	73,14
Những người có uy tín	286	81,71
Trưởng họ	252	72,00
Hương ước, quy ước	223	63,71
Luật tục, phong tục, tập quán	158	45,14
Cuộc họp toàn thể chủ hộ	172	49,14
Khác	7	2,00

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực nêu trên, nhiều già làng, trưởng bản vùng các tộc người thiểu số ở nhiều địa phương, còn hạn chế về trình độ hiểu biết đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của

Đảng, Nhà nước, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, của đất nước. Họ thường bị chi phối bởi tình cảm dòng tộc, cục bộ khi giải quyết công việc. Khảo sát thực tế cho thấy, hương ước, quy ước của thôn bản đóng một vai trò quan trọng sau vai trò của trưởng thôn, trưởng bản, già làng, trưởng họ. Do đó, để kiểm soát được tình trạng di cư tự do qua biên giới, ngoài vai trò vận động của trưởng bản, trưởng thôn, già làng, cần phải hoàn thiện hình thức hương ước, quy định riêng cho mỗi thôn, bản, qua đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân địa phương.

5. Kết luận

Di cư xuyên biên giới và quản lý di cư đối với các tộc người thiểu số vùng Tây Bắc không chỉ đơn thuần là vấn đề đi lại, cư trú và tiến hành các hoạt động sinh kế, hôn nhân ở 2 bên biên giới, mà còn là vấn đề về kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường, chính trị, quốc phòng, an ninh ở vùng biên giới quốc gia.

Nhằm hạn chế tình trạng di cư qua biên giới, cần thực hiện đồng bộ các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục về các quy định pháp luật xuất nhập cảnh, chính sách xuất khẩu lao động; tạo điều kiện cho đồng bào các tộc người thiểu số cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, ổn định đời sống; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát; tăng cường nguồn lực đầu tư cho các huyện, xã biên giới; tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định đời sống nhân dân ở khu vực biên giới; nâng cao nhận thức cho đồng bào các tộc người thiểu số.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chỉ đạo Tây Bắc - Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (2015), *“Thực trạng lao động dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc làm thuê qua biên giới”*, Hà Giang.
- [2] Chính phủ (2014), *Nghị định về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, số 34, ngày 29 tháng 4, Hà Nội.
- [3] Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao (2011), *“Báo cáo tổng quan về tình hình di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài”*, Hà Nội.
- [4] Vũ Trường Giang (Chủ nhiệm) (2016), *Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ năm 2016: Di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số tác động đến ổn định và phát triển kinh tế - xã hội ở vùng Tây Bắc Việt Nam hiện nay*, Hà Nội.
- [5] Đặng Thị Hoa, Nguyễn Hà Đông (2015), *“Hôn nhân xuyên biên giới ở các tỉnh miền núi Việt Nam hiện nay”*, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 8.
- [6] Đỗ Văn Hòa, Trịnh Khắc Thâm (Chủ biên) (1999), *Nghiên cứu di dân ở Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
- [7] Lê Thị Hường (2014), *“Thực trạng hôn nhân xuyên biên giới của các tộc người Nùng, Thái và Hmông ở hai tỉnh Cao Bằng và Điện Biên”*, Tạp chí *Dân tộc học*, số 4.
- [8] Nguyễn Chí Huyền (Chủ biên), *Nguồn gốc lịch sử tộc người vùng biên giới phía Bắc Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [9] Dương Văn Hợp và Đỗ Hằng Nga (2013), *“Tổ chức quan phương và phi quan phương trong kết cấu xã hội làng xã truyền thống huyện Phổ Yên (Thái Nguyên)”*, Tạp chí *Khoa học và Công nghệ*, số 109.
- [10] Nguyễn Thị Lê (2010), *Luận văn Thạc sĩ: “Các tộc người xuyên biên giới và vấn đề phát triển vùng biên giới Việt - Trung từ 1990 đến nay”*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
- [11] Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), *Lao động di trú trong pháp luật quốc tế và Việt Nam*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
- [12] Sở Nội vụ tỉnh Sơn La (2015), *Báo cáo tình hình người đi lao động tự do và cư trú bất hợp pháp tại nước ngoài trên địa bàn tỉnh*, Sơn La.
- [13] Nguyễn Thị Thanh Tâm (2003), *“Một số quan điểm lý thuyết về di dân và phụ nữ di cư”*, Tạp chí *Khoa học về phụ nữ*, số 6.
- [14] Thủ tướng Chính phủ (2007), *Quyết định về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt - Trung đến năm 2020*, số 1151/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8, Hà Nội.
- [15] Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định phê duyệt đề án thực hiện thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước*, số 2627/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12, Hà Nội.
- [16] Thủ tướng Chính phủ (2014), *Chỉ thị về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc*, số 28/CT-TTg ngày 10 tháng 9, Hà Nội.
- [17] Vương Xuân Tình, Nguyễn Văn Minh (Chủ nhiệm) (2010), *Báo cáo thường niên 2009: Quan hệ dân tộc ở miền núi phía Bắc và Bắc Trung bộ Việt Nam*, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
- [18] Tỉnh ủy Lào Cai (2015), *Báo cáo tình hình dân tộc và việc tổ chức triển khai thực hiện công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Lào Cai*, số 484/BC-TU ngày 31 tháng 3, Lào Cai.
- [19] Đào Thị Huyền Trang (2014), *Luận văn Thạc sĩ: Tập tục hôn nhân của một số dân tộc xuyên*

- biên giới Việt - Trung*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
- [20] Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên (2015), *Báo cáo về tình hình di cư tự do kết hôn không giá thú trong vùng biên giới của tỉnh Điện Biên ngày 17 tháng 4*, Điện Biên.
- [21] Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (2015), *Đánh giá kết quả thực hiện chính sách dân tộc, công tác dân tộc giai đoạn 2011-2014 và tình hình triển khai thực hiện chính sách dân tộc năm 2015*, Lai Châu.
- [22] Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [23] <http://vov4.vov.vn/TV/chinh-sach-dan-toc/xuat-khau-lao-dong-ke-hoach-10-ket-qua-1-c1199-50524.aspx>
- [24] <http://www.baohagiang.vn/xa-hoi/201511/hoi-thao-thuc-trang-lao-dong-nu-dan-toc-thieu-so-vung-tay-bac-lam-thue-qua-bien-gioi-646397/>
- [25] <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=31568&print=true>
- [26] <http://www.bienphong.com.vn/tang-cuong-phoi-hop-bao-ve-bien-gioi-viet-nam-lao-ngay-cang-chat-che-va-hieu-qua/35153.bbp>
- [27] <http://www.baomoi.com/ban-chi-dao-tay-bac-to-chuc-hoi-nghi-tong-ket-cong-tac-nam-2015>
- [28] <http://laocai.gov.vn/ton-giao-tin-nguong-trong-cac-dan-toc-doc-bien-gioi-viet-trung>, ngày 18/03/2013
- [29] <http://laocai.gov.vn/vung-bien-gioi-viet-trung-giao-thoa-tu-goc-nhin-dia-van-hoa-toc-nguoi>, ngày 18/3/2013
- [30] <http://cema.gov.vn/cac-dan-toc-nam-o-hai-ben-bien-gioi-viet-nam>, ngày 01/12/2008